

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC LIÊN THÔNG
TỪ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC LÊN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN

TP. HỒ CHÍ MINH – 2022

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG.....	1
2. QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ VÀ THỜI GIAN XÉT TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LÊN ĐÀO TẠO THẠC SĨ	2
3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG.....	2
4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC.....	2
4.1. Các khối kiến thức	3
4.2. Kế hoạch dạy mẫu	3
5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ.....	5
5.1. Các khối kiến thức	6
5.2. Kế hoạch dạy mẫu	6
6. DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC / KHỐI KIẾN THỨC CỦA CTĐT TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ GIẢNG DẠY TRONG CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	9



Số: 601/QĐ-ĐHCNTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chương trình đào tạo liên thông
từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ
ngành Hệ thống thông tin

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia TP. HCM (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-ĐHQG-ĐH&SDH, ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc mở ngành đào tạo Hệ thống thông tin trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 650/QĐ-ĐHQG, ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định tạm thời về đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 335/QĐ-ĐHCNTT, ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy định tạm thời về đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ hệ chính quy tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng Khoa Hệ thống thông tin và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ (ĐTSDH&KHCN).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, áp dụng từ khóa tuyển năm 2022.

Điều 2. Giao Khoa Hệ thống thông tin, Phòng Đào tạo Đại học, Phòng ĐTSDH&KHCN phối hợp tổ chức, thực hiện, quản lý chương trình đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Khoa, Phòng, Ban chức năng thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban ĐT-ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSDH (M).

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Nguyễn Hoàng Tú Anh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC LÊN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 601/QĐ-ĐHCNTT, ngày 08 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Tên chương trình: Chương trình Đào tạo liên thông
Trình độ đào tạo: Đại học - Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Hệ thống Thông tin
Loại hình đào tạo: Chính quy

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học – thạc sĩ ngành Hệ thống Thông tin do khoa Hệ thống Thông tin, trường Đại học Công nghệ Thông tin phụ trách.

Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường, Khoa Hệ thống Thông tin, các quy định của Đại học Quốc gia về việc mở các chương trình liên thông, chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ ngành Hệ thống Thông tin, trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Bậc	Tên ngành	Mã ngành	Loại hình	Tên văn bằng khi tốt nghiệp
Đại học	Hệ thống thông tin	7480104	Chính quy	Cử nhân Hệ thống thông tin
Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	8480104	Chính quy	Thạc sĩ Hệ thống thông tin

Với hướng tiếp cận cho phép một số môn học trình độ thạc sĩ được tích lũy cho nhóm các môn tự chọn cho trình độ đại học (15 TC), thời gian đào tạo có thể rút ngắn xuống còn 5.5 năm. Bên cạnh đó, việc tổ chức các lớp cao học vào buổi tối và cuối tuần cũng giúp sinh viên chính quy linh động trong sắp xếp thời gian học.

2. QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ VÀ THỜI GIẠN XÉT TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LÊN ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Người dự tuyển là sinh viên đại học năm thứ 3, năm 4 thỏa các tiêu chí sau:

- Điểm trung bình tích lũy (xét đến thời điểm xét tuyển) tối thiểu: 7.0 (loại Khá trở lên)
- Số tín chỉ tích lũy (xét đến thời điểm xét tuyển) tối thiểu: 60 TC

Thời gian xét tuyển: Mỗi năm 2 đợt, sinh viên bậc đại học đã học xong học kỳ 5 của chương trình đào tạo đại học.

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG

Tổng số tín chỉ tối thiểu toàn khóa phải tích lũy: 200 tín chỉ. Bao gồm:

- Phần trình độ đại học: tối thiểu 140 tín chỉ.
- Phần trình độ thạc sĩ: tối thiểu 60 tín chỉ.

4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ký hiệu các nhóm kiến thức

Ký hiệu	Ý nghĩa
LLCT	Lý luận chính trị
KNTN	Toán-Tin học-Khoa học tự nhiên
NN	Ngoại ngữ
GDTC	Giáo dục thể chất
GDQP	Giáo dục quốc phòng
PLDC	Pháp luật đại cương
KNNN	Kỹ năng nghề nghiệp
CSN	Cơ sở ngành / nhóm ngành
CNBB	Chuyên ngành bắt buộc
CNTC	Chuyên ngành tự chọn
TCTD	Tự chọn tự do
TTDN	Thực tập doanh nghiệp
KLTN	Khóa luận tốt nghiệp / Chuyên đề tốt nghiệp

4.1. Các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC		SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	11	
	Toán-Tin học-Khoa học tự nhiên	18	
	Ngoại ngữ	12	
	Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng		
	Pháp luật đại cương	2	
	Kỹ năng nghề nghiệp	2	
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở nhóm ngành	23	
	Kiến thức ngành	60	
Khối kiến thức tốt nghiệp	Thực tập doanh nghiệp	2	
	Khóa luận hoặc 03 môn học chuyên đề tốt nghiệp	10	
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa		140	

4.2. Kế hoạch dạy mẫu

Kế hoạch dạy mẫu được thể hiện theo từng học kỳ trong bảng sau:

	Mã MH	Tên môn học	TC	Nhóm
Học kỳ 1	IT001	Nhập môn Lập trình	4	KNTN
	MA006	Giải tích	4	KNTN
	MA003	Đại số tuyến tính	3	KNTN
	IT010	Tổ chức và cấu trúc máy tính	2	CSN
	IS005	Giới thiệu ngành Hệ thống thông tin	1	CSN
	ENG01	Anh Văn 1	4	NN

	PE012	Giáo dục thể chất		GDTC
	ME001	Giáo dục quốc phòng		GDQP
		Tổng số tín chỉ HK1	18	
Học kỳ 2	IT002	Lập trình hướng đối tượng	4	CSN
	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	CSN
	MA004	Cấu trúc rời rạc	4	KNTN
	MA005	Xác suất thống kê	3	KNTN
	ENG02	Anh Văn 2	4	NN
			Tổng số tín chỉ HK2	19
Học kỳ 3	IT004	Cơ sở dữ liệu	4	CSN
	IT005	Nhập môn mạng máy tính	4	CSN
	SS007	Triết học Mác- Lênin	3	LLCT
	SS008	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	LLCT
	ENG03	Anh Văn 3	4	NN
	SS006	Pháp luật đại cương	2	PLĐC
	SS004	Kỹ năng nghề nghiệp	2	KNNN
			Tổng số tín chỉ HK3	21
Học kỳ 4	IS201	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	4	CSN
	IS210	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	CSN
	IS208	Quản lý dự án công nghệ thông tin	4	CSN
	IS216	Lập trình Java	4	CSN
	IT007	Hệ điều hành	4	CSN
			Tổng số tín chỉ HK4	20
Học kỳ 5	IS336	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	4	CSN
	IS220	Xây dựng HTTT trên các framework	4	CSN
	IS207	Phát triển ứng dụng web	4	CSN
	IS211	Cơ sở dữ liệu phân tán	4	CSN

	SS010	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	LLCT
		Tổng số tín chỉ HK5	18	
Học kỳ 6	SS003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT
	SS009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT
	IS252	Khai thác dữ liệu	4	CSN
	IS217	Kho dữ liệu và OLAP	3	CSN
	IS403	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	CSN
	NT118	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	CSN
			Tổng số tín chỉ HK6	17
Học kỳ 7	IS502	Thực tập doanh nghiệp	2	TTDN
		- Các môn tự chọn ngành HTTT - Hoặc chọn từ các môn thuộc CTĐT cao học trong bảng môn được xét miễn (mục 6)	8	
		- Các môn tự chọn tự do - Hoặc chọn từ các môn thuộc CTĐT cao học trong bảng môn được xét miễn (mục 6)	7	
		Tổng số tín chỉ HK7	17	
Học kỳ 8		Chuyên đề tốt nghiệp	10	KLTN
	IS401	Khóa luận tốt nghiệp	10	KLTN
		Tổng số tín chỉ HK8	10	

5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ký hiệu các nhóm kiến thức

Ký hiệu	Ý nghĩa
KTC	Kiến thức chung
BB	Bắt buộc
TCC	Tự chọn chung
TCCN	Tự chọn chuyên ngành
LV	Luận văn

5.1. Các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC		SỐ TÍN CHỈ				GHI CHÚ
		Chương trình nghiên cứu		Chương trình ứng dụng		
		PT1	PT2	PT1	PT2	
Kiến thức chung	Triết học	3	3	3	3	
	Tiếng Anh					Không tính TC tích lũy
Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	2				
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	2		
	Môn bắt buộc		7	7	7	
	Môn tự chọn		≥21	≥36	≥38	
Nghiên cứu khoa học (Đề án, Chuyên đề nghiên cứu)			≥12			
Thực tập					6	
Đề án tốt nghiệp					6	
Luận văn tốt nghiệp		53	15	12	0	
Tổng cộng		≥60	≥60	≥60	≥60	

Ghi chú:

- Học viên có thể tích lũy nhiều hơn 60 tín chỉ.
- Các môn tự chọn có thể chọn từ các CTĐT thạc sĩ khác của Trường Đại học Công nghệ Thông tin, được tích lũy tối đa 12 tín chỉ.
- Môn Tiếng Anh không tính vào Số TC tích lũy tốt nghiệp.

5.2. Kế hoạch dạy mẫu

Khung chương trình được thiết kế giảng dạy trong thời gian 2 năm. Mỗi năm học bao gồm hai học kỳ chính và học kỳ hè của trường. Kế hoạch dạy mẫu được thể hiện theo từng học kỳ chính trong bảng sau:

TT	Mã môn học	Học kỳ	Tên môn học	Số tín chỉ		
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành*
A			Kiến thức chung (bắt buộc)	3 TC		
1.	PH2001	I	Triết học	3	3	0
2.	ENG		Ngoại ngữ (Tiếng Anh)			
B			Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	NC – PT1: ≥ 4 TC NC – PT2: ≥ 30 TC UD – PT1: ≥ 45 TC UD – PT2: ≥ 45 TC		
I			Môn học bắt buộc (theo CT, PT)	NC – PT1: ≥ 4 TC NC – PT2: ≥ 9 TC UD – PT1: ≥ 9 TC UD – PT2: ≥ 7 TC		
3.		I	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	2	2	0
4.	CS2205	I	Phương pháp nghiên cứu khoa học(**)	2	2	0
5.	IS6002	I	Hệ cơ sở dữ liệu tiên tiến (***)	4	3	1
6.	IS6003	I	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao (***)	3	2	1
II			Môn học tự chọn	NC – PT2: ≥ 21 TC UD – PT1: ≥ 36 TC UD – PT2: ≥ 38 TC		
			<i>Môn tự chọn chung</i>			
7.	IS6101	II	Hệ kinh doanh điện tử (***)	4	3	1
8.	IS6102	II	Công nghệ thương mại điện tử (***)	4	3	1
9.	IT2030	II	Hệ thống thông tin địa lý nâng cao	3	2	1
10.	IS6104	II	Hệ thống thông tin đa phương tiện	4	3	1
11.	IS6105	II	Công nghệ Blockchain (***)	4	3	1
12.	IS6107	II	Lý thuyết thông tin	4	3	1
13.	IS6108	II	Phân tích dữ liệu lớn và điện toán đám mây	4	3	1
14.	IS6103	II	Xây dựng hệ thống phần mềm di động (***)	4	3	1
15.		III	Học phần tự chọn từ các CTĐT thạc sĩ khác của Trường Đại học Công nghệ Thông tin, được tích lũy tối đa 12 tín chỉ.			
			<i>Môn tự chọn chuyên ngành</i>			
Chuyên ngành			Quản trị Hệ thống thông tin			
16.	IS6201	III	Kỹ năng lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp	4	3	1
17.	CS2208	III	Hệ hỗ trợ quyết định	3	3	0
18.	IS6203	III	Hoạch định và quản trị chiến lược CNTT	4	3	1

Chuyên ngành			Hệ thống thông tin quản lý			
19.	IS6301	III	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nâng cao (***)	4	3	1
20.	IS6302	III	Quản lý hệ thống thông tin	4	3	1
21.	IT2006	III	An toàn bảo mật thông tin	3	2	1
Chuyên ngành			Phân tích dữ liệu			
22.	IS6402	III	Quản trị CNTT và quản lý rủi ro	4	3	1
23.	IS6403	III	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	2	1
24.	IS6404	III	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (***)	4	3	1
C			Nghiên cứu khoa học	NC – PT2: >= 12 TC		
25.	IS6501	III	Chuyên đề nghiên cứu về Hệ thống thông tin tiên tiến	4	3	1
26.	IS6502	III	Chuyên đề nghiên cứu về Phân tích dữ liệu	4	3	1
27.	IS6503	III	Chuyên đề nghiên cứu về Quản trị Hệ thống Thông tin	4	3	1
28.	IS6504	III	Đề án chuyên ngành Hệ thống Thông tin thông minh	4	3	1
29.	IS6505	III	Đề án chuyên ngành Phân tích dữ liệu	4	3	1
30.	IS6506	III	Đề án chuyên ngành Quản trị Hệ thống Thông tin tiên tiến	4	3	1
D			Thực tập	UD – PT2: 6 TC		
31.	IS6601		Thực tập	6		
E			Đề án tốt nghiệp	UD – PT2: 6 TC		
32.	IS6701		Đề án tốt nghiệp	6		
F			Luận văn			
33.	IS6801		Luận văn theo chương trình NC-PT1	53		
34.	IS6802		Luận văn theo chương trình NC-PT2	15		
35.	IS6803		Luận văn theo chương trình UD-PT1	12		
			Tổng cộng	≥60 TC		

(*): Thực hành có thể là bài tập, thực tập, tiểu luận, seminar, ...

(**): Trong học phần này:

- Học viên học với định hướng giảng dạy có thể học môn “Phương pháp giảng dạy Đại học” thay thế.
- Học viên học với định hướng làm trong doanh nghiệp có thể học môn “Quản trị Doanh nghiệp” thay thế.

(***): Môn học thạc sĩ mà sinh viên nếu đã đạt sẽ được dùng để xét miễn môn thuộc khối kiến thức / môn học đại học trong CTĐT đại học. Xem thêm bảng trong

mục 6. Các môn học này nếu sinh viên đã học và đạt trong CTĐT đại học thì cũng được công nhận trong CTĐT thạc sĩ và số TC được công nhận cho CTĐT thạc sĩ cũng không quá 15 TC.

6. DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC / KHỐI KIẾN THỨC CỦA CTĐT TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ GIẢNG DẠY TRONG CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Danh sách các môn / khối kiến thức của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ giảng dạy và được xét để miễn các môn / khối kiến thức trình độ đại học: chuyên ngành tự chọn và tự chọn tự do. Sinh viên được miễn tối đa 15TC.

CTĐT thạc sĩ			CTĐT đại học		
Môn học	Số TC	Nhóm	Số TC	Nhóm	Môn tiên quyết
Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao	3	BB	3	CNTC	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
Hệ cơ sở dữ liệu tiên tiến	4	BB	4	CNTC	
Công nghệ Blockchain	4	TCC	4	CNTC	
Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nâng cao	4	CNTC	4	CNTC	Phân tích thiết kế Hệ thống thông tin
Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao	4	CNTC	4	CNTC	Phân tích dữ liệu kinh doanh
Xây dựng hệ thống phần mềm di động	4	TCC	4	CNTC	
Công nghệ thương mại điện tử	4	TCC	4	TCTD	
Hệ kinh doanh điện tử	4	TCC	4	TCTD	

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đình Thuận

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Tú Anh